

Bản án số: 02/2019/HC-PT

Ngày 13/6/2019

*“V/v Khiếu kiện yêu cầu hủy
các giấy khai sinh”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giáp Bá Dự;

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Cảnh và ông Đỗ Văn Hiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Đoàn Thanh Lương- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án Nhân dân tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 01/2019/TLPT-HC ngày 02 tháng 01 năm 2019 về *“Khiếu kiện yêu cầu hủy các giấy khai sinh”*.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 03/2018/HC-ST ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị P

Địa chỉ: số nhà 138 D-H, Thôn D, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Có mặt

2. Người bị kiện: UBND phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Toàn V – chức vụ: Chủ tịch.
Ông V. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Ngô Thị T

+ Anh Nguyễn Thế S

Cùng địa chỉ: 27/30 L, tổ 3, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Bà T và anh S. Đều vắng mặt

+ Nguyễn Thế T (đã chết). Do bà Ngô Thị T làm người đại diện theo pháp luật

Địa chỉ: 27/30 L, tổ 3, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

4. Người kháng cáo: người khởi kiện bà Nguyễn Thị P

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại phiên tòa người khởi kiện bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Thế B kết hôn năm 1984. Năm 2005 ông B chết. Sau khi ông B chết thì anh Nguyễn Thế S và anh Nguyễn Thế T tự nhận là con của ông B và bà Ngô Thị T. Trong quá trình giải quyết vụ án “*Truy nhận cha cho con*” bà P được Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang cung cấp các chứng cứ gồm: Giấy khai sinh số 71 do UBND phường T cấp cho anh Nguyễn Thế S vào ngày 05/4/2016 (do ông Vũ Đức D ký khai sinh), người đi khai là bà Ngô Thị T, giấy khai sinh số 72 do UBND phường T cấp cho anh Nguyễn Thế T vào ngày 05/4/2016 (do ông Vũ Đức D ký khai sinh), người đi khai là bà Ngô Thị T. Hai giấy khai sinh này đều ghi ở mục người cha là Nguyễn Thế B, năm sinh 1958, dân tộc kinh, quốc tịch: Việt Nam, còn nơi cư trú thì bỏ trống. Khi biết việc có hai giấy khai sinh này, bà P đã làm đơn khiếu nại đến UBND phường T, thành phố P. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số: 77/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 UBND phường T không đồng ý với khiếu nại của bà.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị P còn trình bày: Trước đây, anh Nguyễn Thế S đã được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P và Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, tỉnh Bắc Giang mỗi nơi cấp một giấy khai sinh bản chính; anh Nguyễn Thế T được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P cấp giấy khai sinh nhưng những giấy khai sinh trên đều bị hủy theo quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 05/02/2015, quyết định số 1691/QĐ-UBND ngày 16/11/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố P và quyết định số 1889/QĐ-UBND, ngày 26/9/2014 của UBND huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Bà Nguyễn Thị P cho rằng việc Ủy ban nhân dân phường T cấp giấy khai sinh cho anh Nguyễn Thế S và anh Nguyễn Thế T có ghi tên cha Nguyễn Thế B là không có căn cứ. Nay, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P hủy 02 giấy khai sinh số 71 do UBND phường T cấp cho anh Nguyễn Thế S vào ngày 05/4/2016 và hủy Giấy khai sinh số 72 do UBND phường T cấp cho anh Nguyễn Thế T vào ngày 05/4/2016.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Năm 1996, bà Ngô Thị T đi đăng ký khai sinh cho con là Nguyễn Thế S; năm 1998 ông Nguyễn Thế B đi đăng ký khai sinh cho con là Nguyễn Thế T tại UBND phường T. Ông B và bà T không có đăng ký kết hôn, ông B là sĩ quan quân đội tại sư đoàn 320, quân đoàn 3 (đóng quân tại xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai), bà T cư trú tại: tổ 3, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai với nội dung đăng ký khai sinh cơ bản như sau:

+ Nguyễn Thế S: sinh ngày 25/12/1990, nơi sinh: tổ 3, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai, có mẹ là Ngô Thị T và cha là ông Nguyễn Thế B.

+ Nguyễn Thế T: sinh ngày 10/02/1994, nơi sinh: tổ 6, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai, có mẹ là Ngô Thị T và cha là ông Nguyễn Thế B.

Việc bà T và ông B đăng ký giấy khai sinh cho hai con được UBND phường T cấp giấy khai sinh số 209, quyển số 01, đăng ký ngày 16/10/1998 cho anh Nguyễn Thế T và giấy khai sinh số 113, quyển số 01, đăng ký ngày 19/6/1996 tại UBND phường T cho ông Nguyễn Thế S. Tuy nhiên, sau khi có khiếu nại của bà Nguyễn Thị P thì UBND thành phố P ban hành Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 05/02/2015 và Quyết định số 1691/QĐ-UBND ngày 16/11/2015 hủy bỏ hai giấy khai sinh trên do: Tại thời điểm đăng ký khai sinh cho Nguyễn Thế S và Nguyễn Thế T bà T không có chứng cứ gì chứng minh có cư trú tại địa phương nên việc đăng ký khai sinh là không đúng thẩm quyền nơi cư trú theo quy định tại Điều 1, Điều lệ đăng ký hộ tịch ban hành kèm theo Nghị định số 4/CP ngày 16/01/1961 của Hội đồng Chính phủ và Thông tư số 05/NV ngày 21/01/1961 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành Điều lệ Đăng ký hộ tịch mới.

Đến ngày 25/01/2016, bà Ngô Thị T tiếp tục đến UBND phường T để đăng ký khai sinh lại cho hai con của mình là Nguyễn Thế S và Nguyễn Thế T. Căn cứ theo công văn hướng dẫn số 240/STP-HCTP ngày 01/4/2016 của Sở tư pháp tỉnh Gia Lai cùng với việc xác định bà T đã được đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 3, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 18/4/2005, nên ngày 05/4/2016, UBND phường T đã cấp Giấy khai sinh số: 71 cho anh Nguyễn Thế S và Giấy khai sinh số: 72 cho anh Nguyễn Thế T. Đại diện UBND phường T cho rằng trình tự thủ tục cấp giấy khai sinh cho anh T và anh S là đúng theo quy định pháp luật nên không đồng ý hủy hai giấy khai sinh theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Thế B chung sống với nhau như vợ chồng và có với nhau 02 con là Nguyễn Thế S và Nguyễn Thế T. Chính ông B là người đã đăng ký khai sinh cho 02 con Nguyễn Thế S và Nguyễn Thế T. Vì trước đây việc cấp 02 giấy khai sinh cho S và T chưa đúng thẩm quyền, nên 02 giấy khai sinh bị hủy. Sau khi bà được đăng ký hộ khẩu thường trú thì bà đi đăng ký khai sinh lại cho 02 con và đã được UBND phường T cấp lại 02 giấy khai sinh số 71 và số 72

cho Nguyễn Thế S và Nguyễn Thế T. Việc UBND phường T cấp lại 02 giấy khai sinh số 71 và số 72 cho Nguyễn Thế S và Nguyễn Thế T là đúng quy định pháp luật. Vì vậy bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P. Đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật, tài liệu, chứng cứ mà bà đã cung cấp, không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31 và Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

- Điều 13, 14, 16, 69 Luật hộ tịch năm 2014.

- Khoản 4 Điều 3 Nghị định số: 123/2015/NĐ-CP, ngày 15/11/2015 của Chính Phủ.

- Thông tư số: 15/2015/TT-BTP, ngày 16/11/2015 của Bộ tư pháp.

- Điều 2 Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22/12/2014 của Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ.

- Điều 1 Điều lệ đăng ký hộ tịch ban hành kèm theo Nghị định số 4/CP ngày 16/01/1961 của Hội đồng Chính phủ.

- Khoản 2 mục A chương I của Thông tư số 05/NV ngày 21/01/1961 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành Điều lệ Đăng ký hộ tịch mới.

- Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính, yêu cầu hủy giấy khai sinh số 71, ngày 05/4/2016 cấp cho anh Nguyễn Thế S và giấy khai sinh số 72, ngày 05/4/2016 cấp cho anh Nguyễn Thế T của UBND phường T*”

Bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/11/2018 người khởi kiện bà Nguyễn Thị P kháng cáo toàn bộ nội dung bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án Nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai có ý kiến như sau: Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và tuân thủ các quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị P; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 21/11/2018 của TAND thành phố P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về đối tượng khởi kiện: hai giấy khai sinh số 71, ngày 05/4/2016 cấp cho anh Nguyễn Thế S và giấy khai sinh số 72, ngày 05/4/2016 cấp cho anh

Nguyễn Thế T của UBND phường T là chứng thư pháp lý chứa đựng nội dung của một dạng quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính .

[2]. *Về thời hiệu khởi kiện:* Theo tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện, hai giấy khai sinh số 71, số 72 được UBND phường T cấp cho anh Nguyễn Thế S và anh Nguyễn Thế T vào ngày 05/4/2016, ngày 6/12/2016 bà P nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy hai giấy khai sinh nêu trên tại Tòa án thì thời hiệu khởi kiện đối với hai quyết định này vẫn còn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[3]. *Về thẩm quyền giải quyết khiếu kiện:* Người khởi kiện khiếu kiện các quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P do đó theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật tổ tụng hành chính, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, vì vậy việc Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[4]. *Xem xét tính hợp pháp của các quyết định bị kiện:*

- *Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành:*

+ Về thẩm quyền ban hành:

Giấy khai sinh số: 71, ngày 05/4/2016 và Giấy khai sinh số: 72, ngày 05/4/2016 được UBND phường T, thành phố P ban hành là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 13 và khoản 2 Điều 16 Luật hộ tịch năm 2014 và theo đúng theo mẫu Giấy khai sinh ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2015/TT-BTP, ngày 16/11/2015 của Bộ tư pháp.

+ Về trình tự, thủ tục ban hành:

Giấy khai sinh số: 71, ngày 05/4/2016 và Giấy khai sinh số: 72, ngày 05/4/2016 được UBND phường T, thành phố P ban hành đúng theo trình tự thủ tục quy định tại Theo nội dung tại tại Điều Điều 13, 14, 16, 69 Luật Hộ tịch năm 2014, Nghị định số: 123/2015/NĐ-CP, ngày 15/11/2015 của Chính Phủ và Điều 2 Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22/12/2014 của Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ.

[5]. Xét kháng cáo của bà P cho rằng hai giấy khai sinh số số: 71, ngày 05/4/2016 và Giấy khai sinh số: 72, ngày 05/4/2016 được UBND phường T, thành phố P cấp cho anh Nguyễn Thế S và Nguyễn Thế T đã có vi phạm nghiêm trọng về phần nội dung khai về người cha.

Thấy rằng: Theo yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ của Tòa án nhân dân thành phố P, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang có cung cấp các tài liệu chứng cứ như sau: anh Nguyễn Thế S được Ủy ban nhân dân phường X, huyện H, tỉnh Bắc Giang cấp giấy khai sinh số 258 ngày 24/02/1990 và anh Nguyễn Thế T được Ủy ban nhân dân phường T cấp giấy khai sinh số 209 ngày 16/12/1999, hai giấy khai sinh trên đều do ông Nguyễn Thế B ký tên Người

đứng khai. Tại Kết luận giám định số 365/C54-P5 ngày 18/01/2016 thể hiện chữ ký và chữ viết đứng tên Nguyễn Thế B dưới mục “Người đứng khai ký” so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thế B trên các tài liệu cần so sánh là do cùng một người ký và viết ra (Bút lục 210-213). Điều này cho thấy ông Nguyễn Thế B đồng ý với việc khai mục người cha trong các giấy khai sinh nêu trên. Theo quy định tại Nghị định số 4/CP ngày 16/01/1961 của Hội đồng Chính phủ ban hành Điều lệ Đăng ký hộ tịch và Thông tư số 05/NV ngày 21/01/1961 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành Điều lệ Đăng ký hộ tịch mới và khoản 2, mục A, chương I của Thông tư số 05/NV ngày 21/01/1961 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành Điều lệ Đăng ký hộ tịch mới quy định: *“Khai sinh cho con ngoài giá thú: Con ngoài giá thú là con mà cha mẹ không phải là vợ chồng, hoặc cha mẹ ăn ở với nhau như vợ chồng, nhưng việc lấy nhau chưa được Ủy ban hành chính công nhận và đăng ký vào sổ kết hôn. Ủy ban hành chính có nhiệm vụ đăng ký sinh cho đứa trẻ và không cần đi sâu vào tình trạng hôn nhân của cha mẹ. Nếu người đứng khai không muốn khai tên người cha, thì Ủy ban hành chính vẫn đăng ký”*. Do đó nội dung trên giấy khai sinh khai về người cha là phù hợp với quy định của pháp luật, tuy nhiên các giấy khai sinh nêu trên bị thu hồi và hủy bỏ do cấp không đúng quy định, đăng ký khai sinh không đúng thẩm quyền nơi cư trú.

Ngày 18/4/2005, bà T đã đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường T, thành phố P, đến ngày 25/01/2016, bà Nguyễn Thị T đến UBND phường T đăng ký giấy khai sinh lại cho anh Nguyễn Thế S và anh Nguyễn Thế T. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký khai sinh do bà T nộp, UBND phường T đã có công văn số 09/CV-HT ngày 07/3/2016 về việc xin ý kiến liên quan đến hồ sơ đăng ký khai sinh của anh Nguyễn Thế S sinh năm 1990 và Nguyễn Thế T sinh năm 1994. Ngày 01/4/2016, Sở tư pháp tỉnh Gia Lai có công văn 240/STP-HCTP trả lời cho UBND phường T, trong đó *“đề nghị UBND phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai thực hiện đăng ký khai sinh cho Nguyễn Thế S và Nguyễn Thế T có tên cha là Nguyễn Thế B và mẹ là Ngô Thị T theo yêu cầu của bà Ngô Thị T”*. Vì vậy, UBND phường T cấp giấy khai sinh số 71 và số 72, ngày 05/4/2016 cho anh Nguyễn Thế S và anh Nguyễn Thế T trong mục người cha đề tên ông Nguyễn Thế B là phù hợp và có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị P là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Do đó kháng cáo của bà P về nội dung này là không có căn cứ để chấp nhận.

- Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án cấp sơ thẩm có sai sót sau: Tại bản khai ngày 15/5/2017, bà P có yêu cầu hủy Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của Chủ tịch UBND phường T về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà P, Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ yêu cầu khởi kiện này, cũng không xem xét tính hợp pháp của quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên theo quy định tại khoản 1 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính là chưa xem xét toàn diện nội dung của vụ án. Tuy nhiên sai sót này không làm thay đổi nội dung

vụ án vì Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của Chủ tịch UBND phường T có nội dung không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà P, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về vấn đề này.

Tại phiên toà phúc thẩm, bà Nguyễn Thị P không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh cho việc kháng cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của bà P, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà P phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính

Căn cứ khoản 1 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị P và giữ nguyên quyết định của bản án số 03/2018/HC-ST ngày 21/11/2018 của TAND thành phố P, tỉnh Gia Lai về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, yêu cầu hủy giấy khai sinh số 71, ngày 05/4/2016 cấp cho anh Nguyễn Thế S và giấy khai sinh số 72, ngày 05/4/2016 cấp cho anh Nguyễn Thế T của UBND phường T*” giữa người khởi kiện bà Nguyễn Thị P với người bị kiện Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004230 ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Bà P đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố Pleiku;
- TAND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, THC, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Giáp Bá Dự